

Số: **4808** /KH-UBND

Điện Biên, ngày **10** tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hợp nhất Thông tư Hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo;

Để đánh giá kết quả giảm nghèo đến cuối năm 2025 theo chuẩn nghèo 2021-2025; xác định thực trạng, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, làm cơ sở xây dựng các giải pháp thực hiện có hiệu quả mục tiêu giảm nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026- 2030; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2025 trên địa bàn toàn tỉnh nhằm xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2021-2025. Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030; xác định, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo làm cơ sở thực hiện các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội năm 2026 và các năm tiếp theo, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

2. Yêu cầu

- Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo phải được thực hiện từ thôn, bản, tổ dân phố, trực tiếp đối với hộ dân; đảm bảo công khai, dân chủ, chính xác, trung thực, khách quan, đúng đối tượng, phản ánh đúng thực trạng đời sống Nhân dân;

đảm bảo đúng quy trình, tiến độ, không bị trùng lặp, bỏ sót, phản ánh đúng thực trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo trên từng địa bàn.

- Kết thúc rà soát phải xác định được chính xác số hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, lưu giữ, theo dõi, quản lý.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, TIÊU CHÍ, QUY TRÌNH RÀ SOÁT

1. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021- 2025

1.1. Đối tượng, phạm vi

- Toàn bộ hộ nghèo, hộ cận nghèo các xã, phường đang quản lý đến thời điểm rà soát tại 45 xã, phường trên địa bàn toàn tỉnh.

- Hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, cận nghèo: Là những hộ gia đình không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại thời điểm rà soát (giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo nêu rõ lý do theo biểu mẫu quy định).

1.2. Tiêu chí rà soát

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 và Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1.3. Quy trình rà soát

a) *Quy trình rà soát*: Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg; Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các văn bản có liên quan khác.

b) *Phụ lục, biểu mẫu rà soát*: Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg; Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ; Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025; Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT; các văn bản có liên quan khác.

2. Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030 (nếu có)

Thực hiện khi có Văn bản chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

III. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, LỰC LƯỢNG RÀ SOÁT

1. Nội dung rà soát

1.1. Xây dựng và ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025; kiện toàn Ban Chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho các Thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

1.2. Tổ chức tuyên truyền tới các cấp, các ngành, tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh về Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 và các văn bản có liên quan. Tuyên truyền, phổ biến về mục đích, yêu cầu, nội dung rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025.

1.3. Triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 bảo đảm chính xác, phản ánh đúng thực trạng đời sống Nhân dân.

1.4. Tổng hợp báo cáo kết quả rà soát theo quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg; Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT các văn bản khác có liên quan.

1.5. Công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025; cập nhật dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo làm cơ sở theo dõi và triển khai các chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

2. Phương pháp và lực lượng

2.1. Phương pháp rà soát: Là phương pháp khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo đảm phù hợp với chuẩn nghèo theo quy định.

2.2. Lực lượng tham gia

a) Rà soát viên: Là người có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình công tác, có khả năng vận động quần chúng, được tập huấn về nghiệp vụ, quy trình rà soát và có kinh nghiệm tham gia các cuộc rà soát. Rà soát viên có trách nhiệm:

- Tham gia tập huấn trước khi thực hiện rà soát.
- Thực hiện ghi phiếu theo nguyên tắc phỏng vấn trực tiếp, không được bỏ sót đối tượng, không ghi sai hoặc bỏ sót những nội dung rà soát đã quy định trong phiếu.
- Bàn giao phiếu rà soát, biểu tổng hợp kết quả rà soát cho Ban Chỉ đạo cấp xã đúng thời hạn.

b) Giám sát viên: Lực lượng giám sát viên là cán bộ, công chức, các thành viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, cấp xã. Các giám sát viên có nhiệm vụ: Giám sát, kiểm tra quá trình ghi phiếu tại các địa bàn được phân công phụ trách; hướng dẫn rà soát viên thực hiện nhiệm vụ; giải quyết hoặc báo cáo với Ban Chỉ đạo các cấp về các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai rà soát.

IV. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Từ ngày 05/9 - 30/9/2025: Các cấp xây dựng Kế hoạch và triển khai kế hoạch rà soát; tập huấn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo các cấp.

2. Từ ngày 01/10 - 31/10/2025: Cấp xã tiến hành rà soát; tổng hợp, báo cáo sơ bộ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 về Ban Chỉ đạo cấp tỉnh (*Báo cáo kết quả sơ bộ theo Mẫu số 7.1 về Ban Chỉ đạo cấp tỉnh qua Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 31/10/2025*).

3. Từ ngày 01/11 - 15/11/2025: Cấp tỉnh thành lập các tổ công tác kiểm tra, phúc tra kết quả rà soát của cấp xã (trong trường hợp thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc có đơn thư khiếu nại).

4. Từ ngày 16/11 - 30/11/2025: Cấp xã tổng hợp, báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025, gửi kèm theo các Mẫu biểu (từ 7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5, 7.6, 7.7, 7.8, 7.9, 7.10, 7.11) **trước ngày 30/11/2025**; mẫu biểu 7.12 **trước ngày 15/12/2025** về Ban Chỉ đạo cấp tỉnh qua Sở Nông nghiệp và Môi trường (có biểu kèm theo).

5. Từ ngày 01/12 - 15/12/2025: Cấp tỉnh phê duyệt kết quả rà soát toàn tỉnh, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

(Lưu ý: Tiến độ trên áp dụng cho rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021- 2025; tiến độ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030 thực hiện theo tiến độ, khi có hướng dẫn, triển khai của Trung ương).

V. KINH PHÍ RÀ SOÁT

- Các sở, ngành, đơn vị cử cán bộ tham gia vào công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo bố trí công tác phí theo chế độ hiện hành.

- Kinh phí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 cấp xã, phường được bố trí từ kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và ngân sách địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp tỉnh

1.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh Quyết định phân công thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách, giám sát, đôn đốc các xã, phường thực hiện rà soát.

- Tổ chức tập huấn công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; hướng dẫn mẫu biểu, phục lục về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn toàn tỉnh; đôn đốc cấp xã; cử cán bộ giám sát, kiểm tra công tác rà soát của cấp xã, thôn/bản; trực tiếp giải đáp thắc mắc, kiến nghị của cấp xã về quy trình, phương pháp rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2025.

- Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường cho ý kiến về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn các xã, phường và kết quả kiểm tra, phúc tra của các cơ quan thành viên Ban Chỉ đạo.

- Tổng hợp dự toán kinh phí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt (nếu có).

- Tham mưu trình UBND tỉnh Quyết định phê duyệt kết quả rà soát; tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn tỉnh để báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Tham mưu trình UBND tỉnh các Văn bản triển khai, hướng dẫn thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều mới giai đoạn 2026-2030 khi có văn bản chỉ đạo của Trung ương (nếu có).

1.2. Thống kê tỉnh Điện Biên: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ triển khai rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2025 cho cấp xã; chịu trách nhiệm công bố kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2025 trên địa bàn theo quy định.

1.3. Sở Tài chính: Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, trên cơ sở dự toán kinh phí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của Sở Nông nghiệp và Môi trường, tham mưu trình UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách hiện hành.

1.4. Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, cung cấp thông tin cho các cơ quan thông tấn báo chí, hệ thống thông tin cơ sở: Tuyên truyền về công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025; hỗ trợ, triển khai tuyên truyền trên ứng dụng Điện Biên Smart, kênh Hành chính công tỉnh Điện Biên trên các nền tảng mạng xã hội Zalo, Facebook, Youtube, Tiktok... tới các cấp, các ngành, đoàn thể tỉnh và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh về Kế hoạch Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025.

1.5. Các sở, ban ngành thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo: Căn cứ nhiệm vụ được phân công chủ động phối với các sở, ngành tỉnh và UBND cấp xã trong việc triển khai, đôn đốc, giám sát công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 theo địa bàn được phân công.

1.6. Đề nghị Báo và Phát thanh, truyền hình Điện Biên, các cơ quan truyền thông: Đẩy mạnh tuyên truyền thời gian, tiến độ triển khai Kế hoạch Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền, phổ biến các quy định về đối tượng, tiêu chí, quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 đến Nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

1.7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức thành viên tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giám sát việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã; phân công nhiệm vụ cho thành viên Ban Chỉ đạo.

- Xây dựng Kế hoạch rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; tổ chức tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình; lao động có thu nhập thấp trên địa bàn.

- Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, trong đó tập trung về: Đối tượng,

phạm vi, tiêu chí, quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025; bố trí lực lượng điều tra viên, lực lượng rà soát, giám sát, phúc tra rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2025.

- Bố trí nguồn lực, ngân sách thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo quy định của luật và phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

- Chỉ đạo tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo đảm công khai, dân chủ có sự tham gia của các cấp, ngành, đoàn thể và người dân; chủ động phát hiện hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm để hướng dẫn hộ gia đình đăng ký rà soát.

- UBND cấp xã báo cáo sơ bộ bằng văn bản, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn **trước ngày 20/11/2025**.

- Tổng hợp phân loại và lập danh sách chi tiết các hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo. Tổng hợp hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, có mức sống trung bình; lao động có thu nhập thấp trên địa bàn (nếu có) báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Báo cáo cùng với báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo*).

- Phê duyệt danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn. Tổng hợp, phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn, gửi báo cáo về Ban Chỉ đạo tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường), **trước ngày 30/11/2025**.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2025 trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và yêu cầu các sở, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan, UBND các xã, phường triển khai, thực hiện đảm bảo nội dung, thời gian yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các sở, ngành thành viên BCD rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX^(PHN)

(b/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vừ A Bằng

UBND XÃ, PHƯỜNG:

Mẫu số 7.2

TỔNG HỢP DIỄN BIẾN HỘ NGHÈO TRONG NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 4808/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh Điện Biên)

[illegible]

UBND XÃ, PHƯỜNG:

Mẫu số 7.3

TỔNG HỢP DIỄN BIẾN HỘ CẦN NGHÈO TRONG NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 4808/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh Điện Biên)

[illegible]

UBND XÃ, PHƯỜNG:

Mẫu số 7.4

PHÂN TÍCH CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ NGHÈO NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 4808/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Đơn vị	Tổng số hộ nghèo	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Thôn/bản/Tổ dân phố													
2	Thôn/bản/Tổ dân phố													
3														
	Tổng cộng													

Ghi chú	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người lớn	7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh hoạt	11: Sử dụng dịch vụ viễn thông
	2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10: Nhà tiêu hợp vệ sinh	12: Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin

UBND XÃ, PHƯỜNG:

Mẫu số 7.5

PHÂN TÍCH TỶ LỆ CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ NGHÈO NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 4808/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Đơn vị	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	B	C												
1	Thôn/bản/Tổ dân phố													
2	Thôn/bản/Tổ dân phố													
3	...													
	Tổng cộng													

Ghi chú	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người lớn	7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh hoạt	11: Sử dụng dịch vụ viễn thông
	2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10: Nhà tiêu hợp vệ sinh	12: Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin

UBND XÃ, PHƯỜNG:

Mẫu số 7.6

PHÂN TÍCH CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 4808/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Đơn vị	Tổng số hộ cận nghèo	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo											
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Thôn/bản/Tổ dân phố													
2	Thôn/bản/Tổ dân phố													
3	...													
	Tổng cộng													

Ghi chú	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người lớn	7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh hoạt	11: Sử dụng dịch vụ viễn thông
	2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10: Nhà tiêu hợp vệ sinh	12: Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin

UBND XÃ, PHƯỜNG:

Mẫu số 7.7

PHÂN TÍCH TỶ LỆ CÁC CHỈ SỐ THIỂU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 4808/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Đơn vị	Tổng số hộ cận nghèo	Tỷ lệ chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo											
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Thôn/bản/Tổ dân phố													
2	Thôn/bản/Tổ dân phố													
3														
Tổng cộng														

Ghi chú	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người lớn	7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh hoạt	11: Sử dụng dịch vụ viễn thông
	2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10: Nhà tiêu hợp vệ sinh	12: Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin

UBND XÃ, PHƯỜNG:

Mẫu số 7.8

PHÂN TÍCH HỘ NGHÈO, HỘ CẦN NGHÈO THEO CÁC NHÓM ĐỐI TƯỢNG NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 4808/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh Điện Biên)

[illegible]

1 : Hộ nghèo, hộ cận nghèo dân tộc thiểu số là hộ nghèo, hộ cận nghèo có chủ hộ hoặc có vợ, chồng của chủ hộ là đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật.

2 : Hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động là hộ nghèo, hộ cận nghèo không có thành viên trong độ tuổi lao động hoặc có thành viên trong độ tuổi lao động nhưng mất khả năng lao động.

3 : Hộ nghèo, hộ cận nghèo có đối tượng người có công với cách mạng là hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong hộ là người có công với cách mạng đang hưởng chính sách trợ cấp ưu đãi hàng tháng.

UBND XÃ, PHƯỜNG:

Mẫu số 7.9

PHÂN TÍCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO THEO CÁC NHÓM DÂN TỘC NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 4808/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh Điện Biên)

[illegible]

UBND XÃ, PHƯỜNG:

Mẫu số 7.10

PHÂN TÍCH NHÓM HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO THEO CÁC NGUYÊN NHÂN NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 4808/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh Điện Biên)

[illegible]

UBND XÃ, PHƯỜNG:

Mẫu số 7.11

TỔNG HỢP CHỈ SỐ THIẾU HỤT CỦA TRẺ EM THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 4808/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Đơn vị	Chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ nghèo				Chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ cận nghèo			
		Tổng số trẻ em (trẻ)	Y tế		Giáo dục	Tổng số trẻ em (trẻ)	Y tế		Giáo dục
			Chỉ số thiếu hụt về bảo hiểm y tế (trẻ)	Chỉ số thiếu hụt về dinh dưỡng (trẻ)			Chỉ số thiếu hụt về bảo hiểm y tế (trẻ)	Chỉ số thiếu hụt về dinh dưỡng (trẻ)	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Thôn/bản/Tổ dân phố								
2	Thôn/bản/Tổ dân phố								
3									
	Tổng cộng								

Ghi chú

Cột 1: Tổng số trẻ em thuộc hộ nghèo; Cột 5: Tổng số trẻ em thuộc hộ cận nghèo

Cột 2,6: Trẻ em từ đủ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi hiện không có bảo hiểm y tế

Cột 3,7: Trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi hoặc dinh dưỡng cân nặng theo tuổi.

Cột 4,8: Trẻ em từ 3 tuổi đến dưới 16 tuổi không được học đúng bậc, cấp học phù hợp với độ tuổi (trẻ từ 3 tuổi đến dưới 6 tuổi được tiếp cận giáo dục mầm non, trẻ từ 6 tuổi đến dưới 12 tuổi được tiếp cận giáo dục trung học cơ sở)

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2025
Phục vụ kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

(Kèm theo Kế hoạch số 4808/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh Điện Biên)

STT	STT Hộ	Họ và tên Chủ hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với Chủ hộ	Ngày, tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính (đánh mã: Nam mã 1, nữ 2)	Số CCCD/Mã ĐDCN	Tỉnh	Xã/Phường	Thôn, bản, tổ dân phố	Dân tộc (đánh theo bảng mã Dân tộc)	Phân loại hộ (Nghèo đánh mã 1, Cận nghèo mã 2)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	1	Lò Văn A	Lò Văn A									
2		Lò Văn A	Vàng Thị B									
3		Lò Văn A	Lò Văn C									
4		Lò Văn A	Lò Văn D									
5	2											
6												

Ghi chú:

- 1. Cột 1, Cột 2 đánh số thứ tự từ 1 đến hết
- 2. Không thêm bớt cột
- 3. Mỗi xã lập thành một SHEET